

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 209/2020/HS-PT

Ngày: 20-8-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán:

Ông Y Thông Kbuôr

Ông Trương Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cầu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 175/2020/TLPT-HS, ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Châu Ngọc A, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo Châu Ngọc A và các bị hại bà Trương Thị H, bà Hồ Thị B2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2020/HSST, ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Châu Ngọc A** - Sinh năm 1985, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn M, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; con ông Châu Ngọc A1, sinh năm 1945 và con bà Châu Thị C, sinh năm 1956; bị cáo có vợ là Nguyễn Phạm Phương N, sinh năm 1995 và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 21/02/2019, bị Ủy ban nhân dân thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPVPHC, số tiền 23.500.000 đồng về hành vi: Tàng trữ công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép, tàng trữ đồ chơi nguy hiểm và tàng trữ trái phép trang phục, cấp hiệu, phù hiệu dành riêng cho lực lượng Công an nhân dân.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2019 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo:

1. Bà Trương Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Đường B3, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bà Hồ Thị B2, sinh năm 1988; nơi cư trú: Đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

2. Bà Châu Thị Quỳnh T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Châu Ngọc A đã đưa ra thông tin gian dối, tự giới thiệu với mọi người mình là cán bộ Công an tỉnh Đắk Lắk, nên có khả năng xin đi học ở Trường V - Bộ Công an (sau đây viết tắt là Trường V), xin chuyển ngành và lo “chạy” tại ngoại khi bị Cơ quan Công an bắt giữ liên quan đến hành vi phạm tội,... Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến tháng 7 năm 2019, Châu Ngọc A đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Năm 2014, A quen biết với vợ chồng ông Văn Đức L, sinh năm 1975 và bà Trần Thị Ngọc X, sinh năm 1977, trú tại: buôn K, xã B, huyện A, tỉnh Đắk Lắk. A giới thiệu mình là Công an công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk, thời điểm này gia đình ông L có con gái là Văn Thị Mỹ T, sinh năm 1998, đang học lớp 9 chuẩn bị lên lớp 10, A đã đặt vấn đề với ông L để A xin cho cháu T vào học tại Trường V hệ chính quy. A nói nếu được vào học ở Trường V, sau này khi tốt nghiệp cấp III sẽ có được một suất tuyển thẳng vào học tại các trường Công an nhân dân tùy vào điểm thi tốt nghiệp, chi phí là 120.000.000 đồng, được ông L bà X đồng ý. A nói ông L đưa hồ sơ và tiền cho A, ông L bà X đã nhiều lần đưa tiền mặt 102.000.000 đồng (không có giấy tờ) và 02 lần chuyển vào tài khoản số 01065152xx của A mở tại Ngân hàng TMCP Đ vào ngày 31/10/2015 và 13/11/2015 với số tiền 18.000.000 đồng. Tổng cộng là 120.000.000 đồng để A đi lo công việc. Sau khi nhận tiền, A không xin cho cháu T vào hệ chính quy mà chỉ xin vào hệ dân sự của Trường V để chiếm đoạt số tiền trên. Ông L bà X khai: A nhiều lần yêu cầu ông L bà X đưa tiền mặt và chuyển khoản cho A với tổng số tiền là 254.000.000 đồng. Tuy nhiên, do những lần đưa tiền cho A ngoài ông L bà X và cháu T thì không có người khác chứng kiến và không có giấy tờ thể hiện việc đưa số tiền trên; A chỉ thừa nhận đã nhận và chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng. Như vậy, Châu Ngọc A đã chiếm đoạt của ông Văn Đức L và bà Trần Thị Ngọc X số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Ngày 17/5/2016, anh Lương Xuân D và chị Châu Thị Quỳnh T là người nhà của Châu Ngọc A đã khắc phục, trả cho ông Văn Đức L và bà Trần Thị Ngọc X số tiền 129.800.000 đồng để khắc phục hậu quả, trong đó (120.000.000 đồng tiền gốc và 9.800.000 đồng là lãi suất).

- Vụ thứ hai: Năm 2016, anh Nguyễn Phúc V (sinh năm 1988, trú tại: tổ dân phố M, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) quen biết với A, A giới thiệu mình là Công an công tác tại Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh Đắk Lắk. Thời gian này, anh V chuẩn bị mua xe mô tô thì A đặt vấn đề lấy cho anh V biển số xe ngũ quý (có năm số giống nhau) chi phí 45.000.000 đồng, anh V đồng ý. Đầu năm 2017, anh V mua một chiếc xe mô tô loại xe SH, anh V đã đưa hồ sơ mua bán xe và số tiền 45.000.000 đồng để A lấy biển số xe ngũ quý. Sau khi nhận được tiền, A không đi lấy biển số cho anh V như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân. Như vậy, Châu Ngọc A đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Phúc V số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Ngày 13/8/2019, chị Lê Thị H là người nhà của Châu Ngọc A đã khắc phục, trả cho anh V số tiền 45.000.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Đầu năm 2019, A quen biết với chị Trương Thị H (sinh năm 1985, trú tại: Đường B3, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), A giới thiệu mình là Công an đang công tác tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk. A biết chị H đang nợ vợ chồng anh Võ Văn K, sinh năm 1978 và chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1984, trú tại đường T, phường T, thành phố B số tiền 140.000.000 đồng. Chị H nhờ A xin anh K, chị H1 cho chị H trả một phần số nợ trên thì A đồng ý. Sau đó, chị H đã dẫn bà Vũ Thị Ái H2 (sinh năm 1950, trú tại: đường N, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) là mẹ chồng đến gặp A, A nói có thể nói vợ chồng anh K, chị H1 để chị H chỉ phải trả số tiền 100.000.000 đồng thì được bà H2 đồng ý. Sau đó, A đã đến nhà gặp chị H1, A giới thiệu mình là Công an công tác tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, hiện đang thụ lý đơn tố cáo của chị H liên quan đến việc chị H vay mượn tiền của anh K, chị H1. A yêu cầu chị H1 đưa giấy tờ vay mượn tiền của chị H1 với chị H giao cho A để đưa vào hồ sơ vụ việc. Do tưởng A là Công an, chị H1 đã đưa cho A toàn bộ giấy tờ vay mượn tiền (bản gốc) giữa chị H1 với chị H cho A. Có được các giấy tờ vay mượn tiền, A đã đến gặp bà H2 và chị H nói đã liên hệ với chị H1, anh K và họ đã đồng ý cho chị H chỉ phải trả số tiền 100.000.000 đồng là giải quyết xong nợ. Ngày 24/4/2019, bà H2 đã đưa cho A số tiền 100.000.000 đồng để A trả cho anh K, chị H1 rồi A đã đưa toàn bộ giấy vay tiền gốc cho bà H2. Sau khi nhận được tiền, A không trả cho anh K, chị H1 mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Như vậy, Châu Ngọc A đã chiếm đoạt của bà Vũ Thị Ái H2 và chị Trương Thị H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Ngày 07/9/2019, chị Lê Thị H và chị Châu Thị Quỳnh T là người nhà của Châu Ngọc A đã khắc phục trả cho bà Vũ Thị Ái H2 số tiền 100.000.000 đồng.

- Vụ thứ tư: Khoảng tháng 7/2019, thông qua ông Trần Đ (sinh năm 1962, trú tại: tổ dân phố B, thị trấn B, huyện A, tỉnh Đắk Lắk), anh Lê Văn H (sinh năm 1986, trú tại thôn H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) biết A. Anh H là giáo viên đi dạy xa nhà, muốn xin về gần nhà công tác nên anh H đã đến gặp A, đề cập vấn đề trên. A nói có thể giúp xin cho anh H chuyển về công tác tại Ủy ban nhân dân huyện E làm chuyên viên, chi phí để xin là trên 100.000.000 đồng, anh H đồng ý. Anh H đã chuyển hồ sơ xin việc cho A, A yêu cầu anh H chuyển tiền vào tài khoản của mình, rồi nói chờ một đến hai tháng sẽ có quyết định đi làm ở Ủy ban nhân dân huyện E. Ngày 02 và 05/7/2019, anh H đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản số 0106515217 của A mở tại Ngân hàng TMCP Đ. Đến ngày 17/7/2019, A tiếp tục yêu cầu anh H chuyển thêm 20.000.000 đồng để bồi dưỡng cho một số người làm hồ sơ, anh H đồng ý và chuyển cho A số tiền trên. Sau khi nhận được tiền, A không xin việc cho anh H như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Như vậy, Châu Ngọc A đã chiếm đoạt của anh Lê Văn H số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Tại cấp sơ thẩm, người nhà bị cáo là chị Lê Thị H đã khắc phục, trả cho anh Lê Văn H số tiền 50.000.000 đồng.

- Vụ thứ năm: Ngày 19/7/2019, anh Hoàng Xuân T (sinh năm 1979, trú tại: Đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), tham gia đánh bạc bị Phòng Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang và bị tạm giữ hình sự. Thông qua mối quan hệ xã hội anh Hoàng Hải T1 (sinh năm 1989, trú tại đường Đ, phường T, thành phố B), là cháu ruột của anh T biết Châu Ngọc A. Vì sợ ảnh hưởng đến công việc của anh T nên anh T1 đã đến gặp A để nhờ A giúp cho anh T chỉ bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Quá trình trao đổi, A giới thiệu mình là Công an công tác tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và đang thụ lý điều tra vụ việc của anh T. Anh T1 đặt vấn đề xin cho T chỉ bị xử phạt hành chính, không phải ra Tòa, được A hứa sẽ giúp. A đã trao đổi nội dung trên với Đặng Ngọc B1 (sinh năm 1985, trú tại thôn M, xã H, huyện P, nguyên là cán bộ Công an công tác tại đội C Công an thành phố B). B1 nói vụ việc trên không xin xử lý hành chính được, B1 sẽ trao đổi với Viện kiểm sát để xin cho tại ngoại và xin xử án treo khi nào đưa ra xét xử. Sau đó, B1 đã gọi điện thoại trao đổi với anh Hoàng Hoàn C (sinh năm 1980, hiện đang là Kiểm sát viên công tác tại Viện kiểm sát nhân dân thành phố B), B1 hỏi anh C có quen biết ai ở Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là đơn vị đang thụ lý vụ việc của anh T không, để nhờ anh C hỏi thăm thì anh C bảo không quen biết. Nhưng vì muốn chiếm đoạt tiền của người nhà anh T, nên B1 đã gọi điện thoại trao đổi với A và tự đưa ra chi phí để xin tại ngoại và xin được xử án treo khi vụ án đưa ra xét xử cho anh T là 230.000.000 đồng, và yêu cầu A lấy tiền chuyển cho B1 để B1 lo công việc. Sau

khi có thông tin trên, A đã hẹn gặp anh T1 và chị Hồ Thị B2 (sinh năm 1988, trú tại: Đường M, phường T, thành phố B, là vợ của anh T) thông báo không xin xử phạt hành chính được, mà chỉ xin được tại ngoại và xin xử án treo cho anh T, chi phí để A đi lo công việc trên là 250.000.000 đồng. Trong đó, 100.000.000 đồng xin tại ngoại và 150.000.000 đồng, xin xử án treo. Do không đủ tiền nên chị B chỉ xin cho T được tại ngoại và đồng ý đưa 100.000.000 đồng. A hẹn đến ngày 25/7/2019 đưa số tiền trên cho A để A đi lo việc. Quá trình trao đổi với anh T1 và chị B, A đã nói lại với B1, nhưng chỉ nói gia đình anh T đồng ý đưa 70.000.000 đồng để trước mắt xin cho anh T được tại ngoại, B1 đồng ý rồi nói A lấy tiền đưa cho B1 để B1 chuyển cho Viện kiểm sát lo công việc. Từ ngày 24/7 đến 25/7/2019, B1 nhiều lần gọi điện thoại cho A để thúc giục lấy tiền người nhà anh T. Chị B sau khi gặp A thì nghi ngờ A không phải là Công an nên đã làm đơn tố cáo A có hành vi giả danh Công an để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 25/7/2019, tại quán cà phê H, ở đường L, phường L, thành phố B, sau khi A nhận số tiền 100.000.000 đồng từ chị B, thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang và thu giữ tang vật là 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà Châu Ngọc A đã nhận và chiếm đoạt là 485.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Quá trình điều tra vụ án, Đặng Ngọc B1 do mắc bệnh hiểm nghèo, đã chết vào ngày 21/01/2020. Ngày 14/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với bị can Đặng Ngọc B1.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 127/2020/HSST, ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Châu Ngọc A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Châu Ngọc A 12 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 26/7/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/5/2020, bị cáo Châu Ngọc A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 04/6/2020, các bị hại là chị Hồ Thị B2 và bà Trương Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm. Bị hại Trương Thị H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Châu Ngọc A. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại Hồ Thị B2 đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo Châu Ngọc A và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị hại là bà Trương Thị H, bà Hồ Thị B2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại anh Lê Văn H và được anh H làm đơn xin bãi nại cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Châu Ngọc A và kháng cáo của các bị hại bà Trương Thị H, bà Hồ Thị B2, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Châu Ngọc A từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Châu Ngọc A không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Trương Thị H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Châu Ngọc A tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, động cơ tham lam tư lợi, bằng thủ đoạn gian dối, Châu Ngọc A tự giới thiệu với mọi người mình là cán bộ Công an tỉnh Đắk Lắk, có khả năng xin đi học ở Trường V, xin chuyển ngành và lo “chạy” tại ngoại khi bị Cơ quan Công an bắt giữ liên quan đến hành vi phạm tội,... để những người có nhu cầu tin tưởng là thật nên đã đưa tiền. Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến tháng 7/2019, Châu Ngọc A đã chiếm đoạt của vợ chồng ông Văn Đức L và bà Trần Thị Ngọc X số tiền 120.000.000 đồng; anh Nguyễn Phúc V số tiền 45.000.000 đồng; bà Vũ Thị Ái H2 và bà Trương Thị H số tiền 100.000.000 đồng; anh Lê Văn H số tiền 120.000.000 đồng và của chị Hồ Thị B số

tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền A chiếm đoạt là 485.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Châu Ngọc A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và các bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Châu Ngọc A là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Bởi lẽ, mặc dù bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 như: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự thú về hành vi phạm tội khi chưa bị phát hiện (đối với bị hại bà Vũ Thị Ái H2), đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại, cụ thể: bồi thường cho ông Văn Đức L, bà Trần Thị Ngọc X số tiền 129.800.000 đồng, trong đó 120.000.000 đồng tiền chiếm đoạt và 9.800.000 đồng là lãi suất; bồi thường cho anh Nguyễn Phúc V số tiền 45.000.000 đồng; bồi thường cho bà Vũ Thị Ái H2 và bà Trương Thị H số tiền 100.000.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Văn H số tiền 50.000.000 đồng; bị cáo được bị hại bà Vũ Thị Ái H2 làm đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ hình phạt mới đó là các bị hại bà Hồ Thị B2, bà Trương Thị H làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh Lê Văn H và được anh H làm đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Châu Ngọc A và kháng cáo của các bị hại bà Trương Thị H, bà Hồ Thị B2, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Châu Ngọc A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Châu Ngọc A, chấp nhận kháng cáo của các bị hại bà Trương Thị H, bà Hồ Thị B2 – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số

127/2020/HSST, ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

[2] Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Châu Ngọc A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam, ngày 25/7/2019.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Châu Ngọc A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. B;
- VKSND Tp. B;
- Công an Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn